

***PHÂN TÍCH SỐ LIỆU
NGHIÊN CỨU VỚI SPSS***



2. Thống kê mô tả

2.1

Thống kê mô tả với biến định tính và biến định lượng

2.2

Xử lý câu hỏi có nhiều câu trả lời

2.3

Phân tích bảng chéo
Crosstabs

2.1 THỐNG KÊ MÔ TẢ VỚI BIẾN ĐỊNH TÍNH VÀ BIẾN ĐỊNH LƯỢNG



CÁC ĐẠI LƯỢNG TẦN SỐ & THỐNG KÊ MÔ TẢ

➤ Frequency	Tần số
➤ Percentage	Phần trăm
➤ Mean	Giá trị trung bình cộng
➤ Median	Giá trị trung vị
➤ Std. deviation	Độ lệch chuẩn
➤ Minimum	Giá trị nhỏ nhất
➤ Maximum	Giá trị lớn nhất

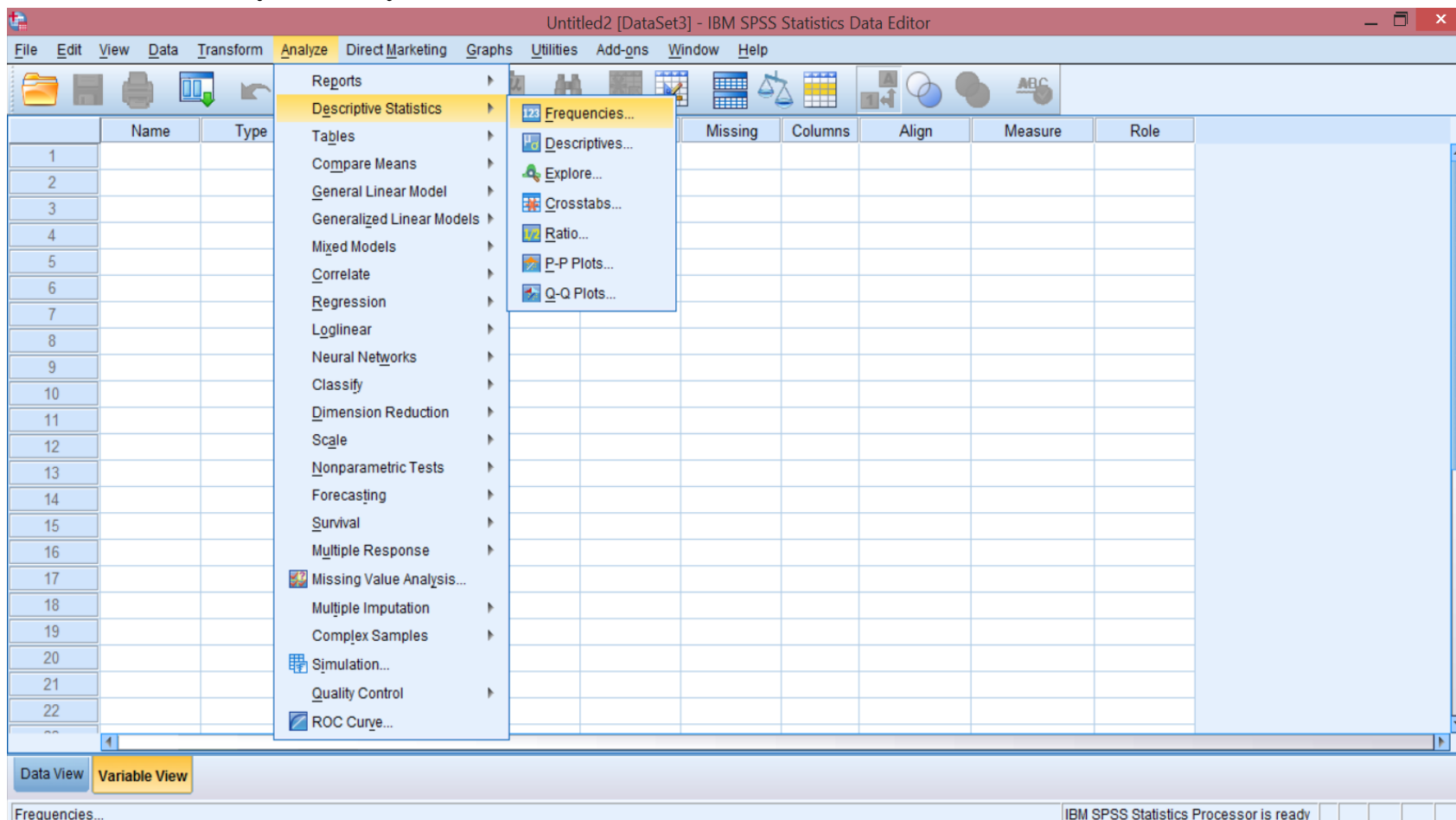
CÁC ĐẠI LƯỢNG TẦN SỐ & THỐNG KÊ MÔ TẢ

Ví dụ: Thống kê mô tả đối với biến Hải lòng đối với tham qua di sản.

Các đại lượng thống kê mô tả cần biết như trên.

THỐNG KÊ MÔ TẢ

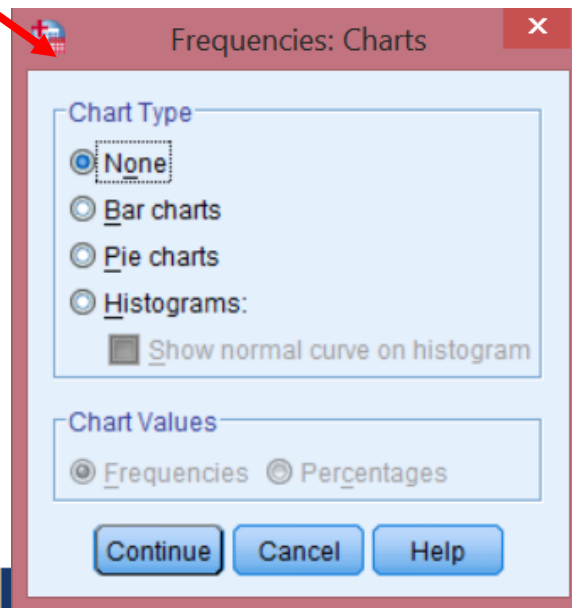
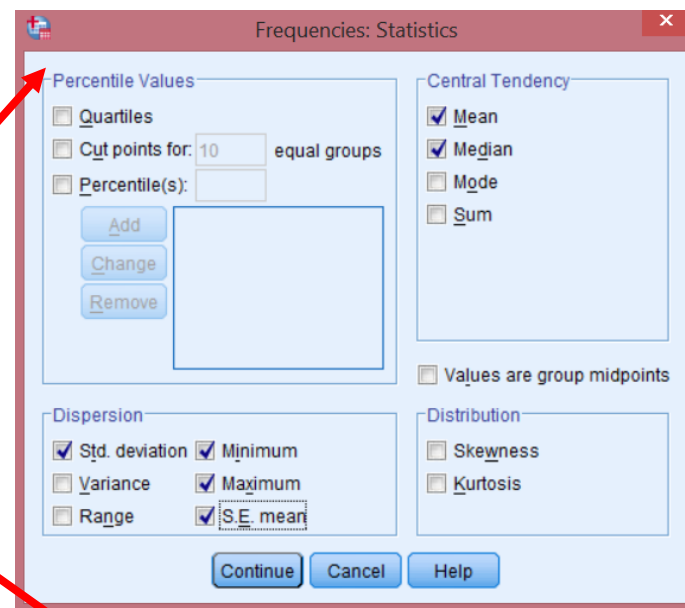
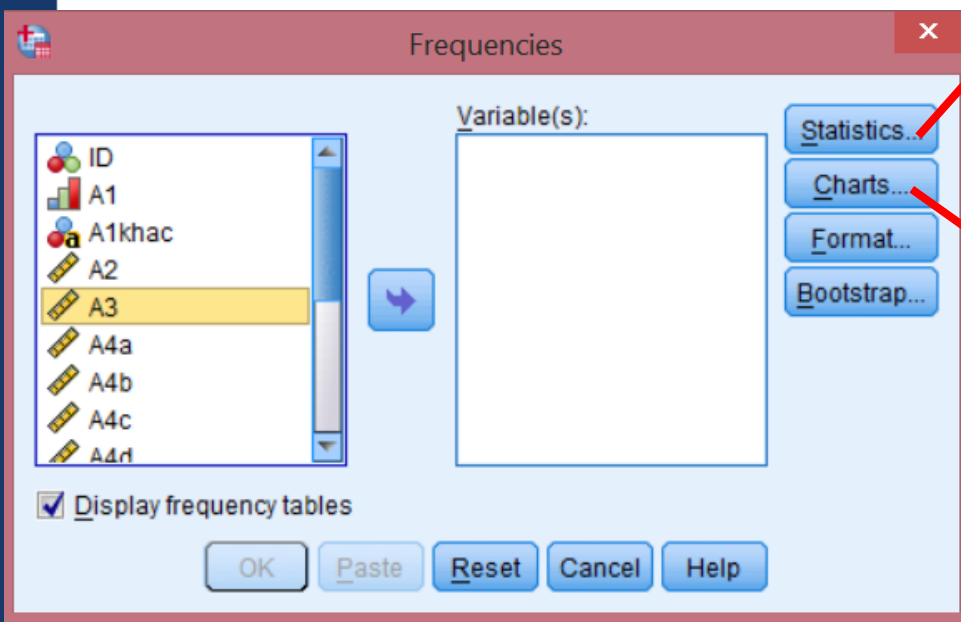
* Cách thực hiện trên SPSS:



Analyze → Descriptive Statistics → Frequencies

THỐNG KÊ MÔ TẢ

* Cách thực hiện trên SPSS:



Variable (s): Chọn biến cần thống kê mô tả
Statistics: Thống kê
Charts: Vẽ biểu đồ

THỐNG KÊ MÔ TẢ

* Phân tích kết quả:

Statistics

A6a. Hai long doi voi hoat
dong tham quan di san

N	Valid	49
	Missing	1
Mean		4,7347
Std. Deviation		,49056
Minimum		3,00
Maximum		5,00

A6a. Hai long doi voi hoat dong tham quan di san

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Binh thuong	1	2,0	2,0	2,0
	Hai long	11	22,0	22,4	24,5
	Rat hai long	37	74,0	75,5	100,0
	Total	49	98,0	100,0	
Missing	System	1	2,0		
Total		50	100,0		

THỐNG KÊ MÔ TẢ

Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng (Interval Scale)

Giá trị khoảng cách $= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n$
 $= (5 - 1) / 5 = 0.8$

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1.00 - 1.80	Rất không đồng ý/Rất không hài lòng/ Rất không quan trọng
1.81 - 2.60	Không đồng ý/Không hài lòng/ Không quan trọng
2.61 - 3.40	Không ý kiến/trung bình
3.41 - 4.20	Đồng ý/ Hài lòng/ Quan trọng
4.21 - 5.00	Rất đồng ý/ Rất hài lòng/ Rất quan trọng

2.2 XỬ LÝ CÂU HỎI CÓ NHIỀU LỰA CHỌN



XỬ LÝ CÂU HỎI CÓ NHIỀU LỰA CHỌN

Câu hỏi có nhiều lựa chọn là câu hỏi có thể lựa chọn nhiều đáp án trả lời.

Ví dụ câu hỏi:

5. Ông (bà) đã tìm hiểu về Huế qua các kênh thông tin nào? *(Có thể chọn nhiều câu trả lời)*

☐ Internet

☐ Bạn bè, người thân

☐ Công ty du lịch/lữ hành

☐ Sách hướng dẫn du lịch

☐ Phim ảnh/ Chương trình tivi

☐ Khác _____

XỬ LÝ CÂU HỎI CÓ NHIỀU LỰA CHỌN

* Cách thực hiện trên SPSS

Thuc hanh 1.sav [DataSet1] - IBM SPSS Statistics Data Editor

File Edit View Data Transform **Analyze** Direct Marketing Graphs Utilities Add-ons Window Help

Reports
Descriptive Statistics
Tables
Compare Means
General Linear Model
Generalized Linear Models
Mixed Models
Correlate
Regression
Loglinear
Neural Networks
Classify
Dimension Reduction
Scale
Nonparametric Tests
Forecasting
Survival
Multiple Response
Missing Value Analysis...

Label

	Name	Type		
1	ID	Numeric		
2	A1	Numeric		
3	A1khac	String		
4	A2	Numeric		
5	A3	Numeric		
6	A4a	Numeric		
7	A4b	Numeric		
8	A4c	Numeric		
9	A4d	Numeric		
10	A5a	Numeric		
11	A5b	Numeric		
12	A5c	Numeric		
13	A5d	Numeric		
14	A5e	Numeric		
15	A5f	String		
16	A6a	Numeric		
17	A6b	Numeric		

Define Variable Sets... quan di san {1,
Frequencies... sam {1,

Analyze → Multiple Response → Define Variable Set

XỬ LÝ CÂU HỎI CÓ NHIỀU LỰA CHỌN

* Cách thực hiện trên SPSS

Define Multiple Response Sets

Set Definition

Variables in Set:

Variables Are Coded As:

☒ Dichotomies Counted value: 2

☐ Categories Range: through

Name: A5

Label: Kenh thông tin

Multiple Response Sets:

\$A5

Add Change Remove

Note: Sets defined here are only available in the Multiple Response Frequencies and Crosstabs procedures. Use Define Multiple Response Sets on the Data menu for sets used elsewhere.

Close Help

Variables in Set:

Các biến thuộc câu hỏi có nhiều lựa chọn

Khai báo mã hóa

Counted value: Giá trị "Có" đã khai báo

Name: đặt tên biến mới

Label: Đặt tên nhãn mới

Variables in Set → Variables Are Coded As → Add

2.3 PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS



PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS

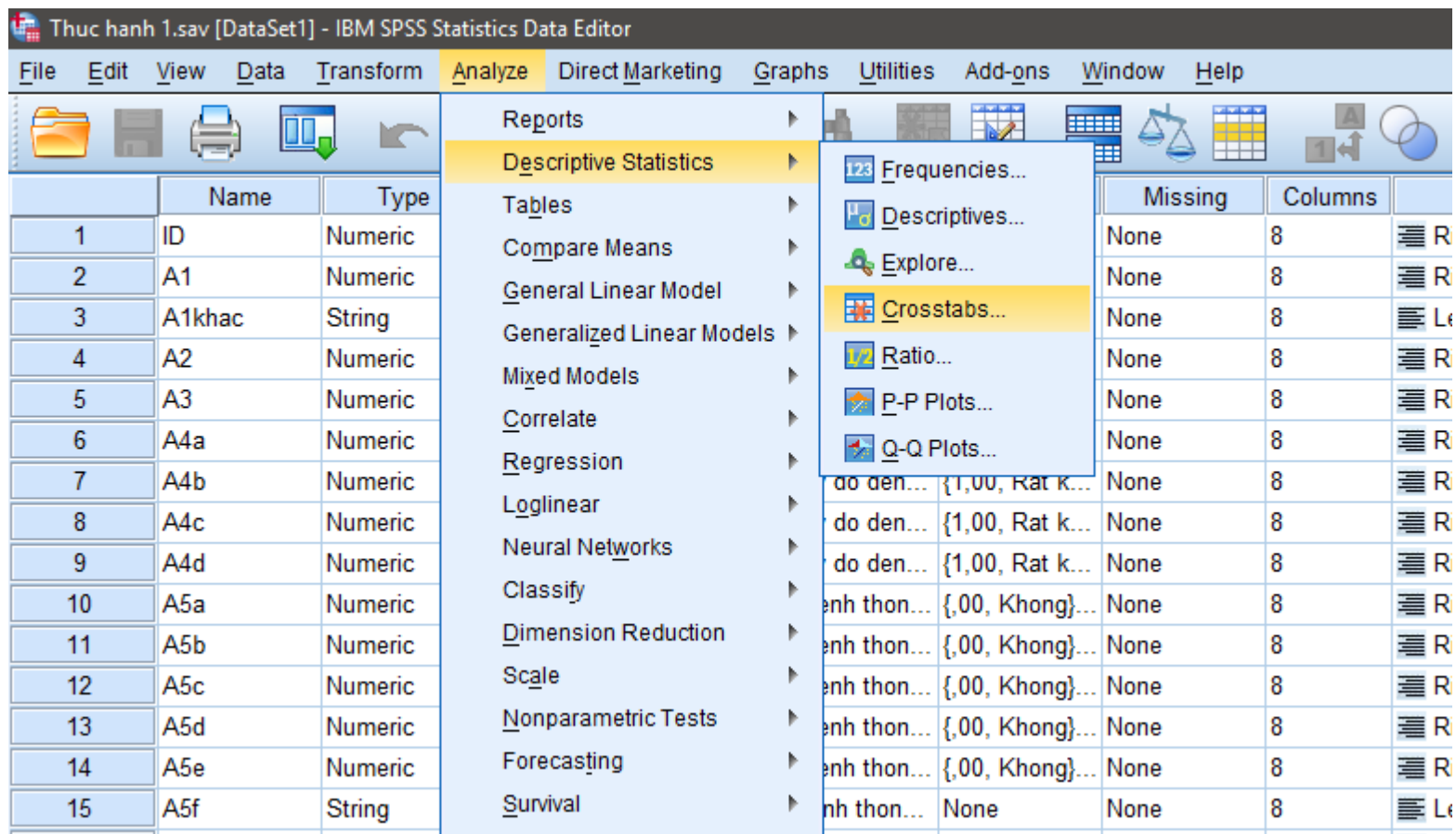
Bảng chéo Crosstabs dùng để phân tích, so sánh, xác định mối quan hệ, số lượng giữa các biến định tính, hoặc định lượng với nhau.

PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS

Ví dụ: xác định quan hệ, số lượng giữa hai biến là độ tuổi và mục đích của chuyến đi

PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS

* Cách thức thực hiện trên SPSS:



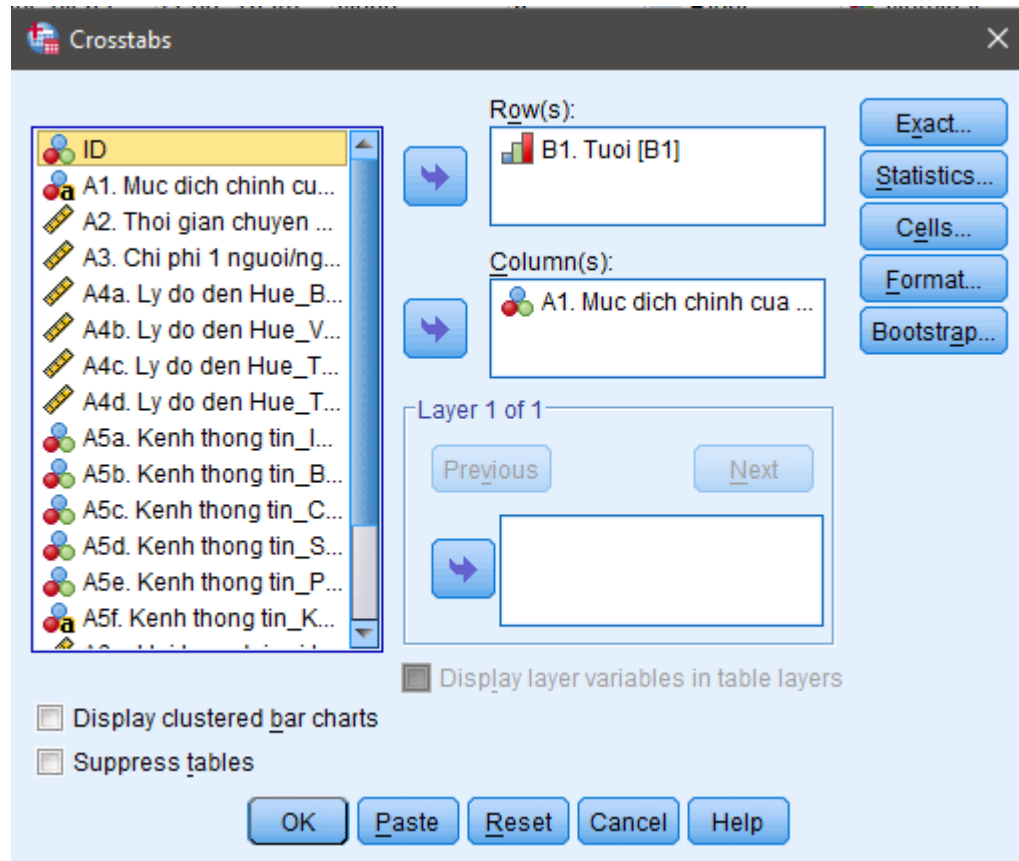
The screenshot shows the IBM SPSS Statistics Data Editor interface. The menu bar includes File, Edit, View, Data, Transform, Analyze, Direct Marketing, Graphs, Utilities, Add-ons, Window, and Help. The 'Analyze' menu is open, showing options like Reports, Descriptive Statistics, Tables, Compare Means, General Linear Model, Generalized Linear Models, Mixed Models, Correlate, Regression, Loglinear, Neural Networks, Classify, Dimension Reduction, Scale, Nonparametric Tests, Forecasting, and Survival. The 'Descriptive Statistics' submenu is also open, showing options like Frequencies..., Descriptives..., Explore..., Crosstabs..., Ratio..., P-P Plots..., and Q-Q Plots... The 'Crosstabs...' option is highlighted. In the background, a data table is visible with columns 'Name' and 'Type'.

	Name	Type
1	ID	Numeric
2	A1	Numeric
3	A1khac	String
4	A2	Numeric
5	A3	Numeric
6	A4a	Numeric
7	A4b	Numeric
8	A4c	Numeric
9	A4d	Numeric
10	A5a	Numeric
11	A5b	Numeric
12	A5c	Numeric
13	A5d	Numeric
14	A5e	Numeric
15	A5f	String

Analyze → Descriptive Statistics → Crosstabs

PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS

* Cách thức thực hiện trên SPSS:



Row (s): Chọn biến làm hàng
Column (s): Chọn biến làm cột

PHÂN TÍCH BẢNG CHÉO CROSSTABS

* Phân tích kết quả

B1. Tuổi * B2. Giới tính Crosstabulation

Count

		B2. Giới tính		Total
		Nam	Nu	
B1. Tuổi	<=18	2	1	3
	19 - 30	7	3	10
	31 - 45	6	8	14
	46 - 60	4	8	12
	> 60	7	4	11
Total		26	24	50

THANK YOU!

